

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Chấn

2. Ông Phan Văn Ký

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 59/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Công D, sinh năm 1983; nơi ĐKTT: Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị Đ, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2021, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Huỳnh Công D (anh D) trình bày: Anh và chị Bùi Thị Đ (chị Đ) tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X (nay là Xuân C) ngày 11/5/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị Đ

thường xuyên chơi cờ bạc nên vợ chồng cãi vã nhau. Từ đó vợ chồng không còn tiếng nói chung, không yêu thương chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Năm 2019, anh bỏ đi nơi khác làm ăn sinh sống, anh chỉ gửi tiền về cho chị Đ nuôi con. Anh và chị Đ không liên lạc, không quan tâm, tình cảm vợ chồng không còn nên đến tháng 02/2021, chị Đ gọi anh về làm thủ tục ly hôn. Theo đó, anh và chị Đ xác định cả hai không còn tình cảm nên anh làm đơn, chị Đ ký đơn ly hôn. Tại phiên hòa giải của Tòa án, chị Đ lấy lý do vì con nên không đồng ý ly hôn. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh và chị Đ sống ly thân từ năm 2019 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên anh yêu cầu được ly hôn chị Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Công D – sinh ngày 13/7/2003, Huỳnh Thị Kim D2 – sinh ngày 02/3/2007. Cháu Huỳnh Công D đã thành niên, đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Huỳnh Thị Kim D2 bị bệnh hạn chế về nhận thức, sống cùng với chị Đ. Chị Đ yêu cầu được nuôi cháu D2, không yêu cầu anh cấp dưỡng, anh đồng ý.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Bùi Thị Đ (chị Đ) trình bày: Chị và anh D tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X(nay là Xuân C) ngày 11/5/2009. Chị thừa nhận sự việc như anh D trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng không cãi vã nhưng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân lạnh nhạt, vợ chồng không chung quan điểm. Là dân biển, khi rảnh chị cũng có đánh bạc nhưng chỉ vui chơi, giải trí. Chị đánh bạc bằng tiền của chị chứ không vay mượn của ai. Năm 2019, anh D bỏ đi nơi khác làm ăn, không liên lạc với chị, anh D chỉ liên lạc về hỏi thăm con. Chị và anh D không gặp, không hỏi thăm, không ai quan tâm ai. Tại đơn ly hôn ngày 22/02/2021, chị đồng ý ly hôn vì vợ chồng không còn tình cảm, chị và anh D không thể nào có cơ hội hàn gắn đoàn tụ được nhưng hiện nay vì thương con chưa lập gia đình nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Công D – sinh ngày 13/7/2003, Huỳnh Thị Kim D2 – sinh ngày 02/3/2007. Cháu Huỳnh Công D đã thành niên, đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Huỳnh Thị Kim D2 bị bệnh hạn chế về nhận thức, đang sống cùng với chị. Chị yêu cầu được nuôi cháu D2, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh D; giao con Huỳnh Thị Kim D2 cho chị Đ nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung; đề nghị HĐXX không xem xét về tài sản chung và nợ chung do đương sự không có yêu cầu. Anh D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Hai bên đương sự có tranh chấp về ly hôn, bị đơn chị Đ có hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh D, chị Đ có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X (nay là Xuân C) ngày 11/5/2009 đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Anh D, chị Đ đều xác định từ năm 2019 đến nay, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, anh chị không còn sống chung, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau, không còn tình cảm. Anh D yêu cầu ly hôn, chị Đ không đồng ý nhưng chị Đ cũng tự xác định vợ chồng không thể đoàn tụ nên chị đã đồng ý ký đơn ly hôn ngày 22/02/2021. Tại Biên bản xác minh ngày 01/12/2021, chính quyền địa phương cũng xác nhận từ năm 2019 anh D và chị Đ không còn sống chung, chị Đ sống tại thôn Hòa An, còn anh D sống tại địa phương khác. Do đó, thấy rằng tuy chị Đ không đồng ý ly hôn nhưng mâu thuẫn vợ chồng anh D, chị Đ không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh D, cho anh D được ly hôn chị Đ.

[3] *Về con chung:* Có 02 con chung tên Huỳnh Công D – sinh ngày 13/7/2003, Huỳnh Thị Kim D2 – sinh ngày 02/3/2007. Cháu Huỳnh Thị Kim D2 bị bệnh hạn chế về nhận thức, đang sống cùng với chị Đ. Tại phiên hòa giải ngày 18/11/2021, chị Đ yêu cầu được nuôi cháu D2, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D đồng ý nên ghi nhận sự thỏa thuận của anh D, chị Đ.

Riêng cháu Huỳnh Công D không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, anh D và chị Đ không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Anh D, chị Đ xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn anh D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Huỳnh Công D được ly hôn chị Bùi Thị Đ.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Công D – sinh ngày 13/7/2003, Huỳnh Thị Kim D2 sinh ngày 02/3/2007. Giao cháu Huỳnh Thị Kim D2 cho chị Bùi Thị Đ nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Công D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Huỳnh Công D không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình nên không xem xét.

Anh Huỳnh Công D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Nguyên đơn anh Huỳnh Công D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2019/0005222 ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- VKSND TX.Sông Cầu (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THA TX.Sông Cầu (01);
- UBND xã Xuân C (01);
- Án văn (01);
- Lưu hs (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(đã ký)

Phạm Thị Ngọc Tiên